TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG ANH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số:146/2022/KDTM-ST
Ngày: 20/07/2022
Về việc:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Ngô Minh Cường.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Ngô Thị Yêm
2. Bà Nguyễn Thị Mai

Thư ký phiên toà: Ông Hoàng Xuân Hiếu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Doãn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 07 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh Thương mại thụ lý số 11/2022/TLST-KDTM ngày 01 tháng 03 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXX-ST ngày 21 tháng 06 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 35/2022/QĐST- KDTM ngày 05/07/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần SG- HN (sau đây gọi tắt là S); Trụ sở: Số 77, đường THĐ, quận HK, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Quang H – Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Xuân Q – Giám Đốc S Chi nhánh KB; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn V – Chuyên viên mua bán nợ và tài sản bảo đảm nợ.

2. Bị đơn: 2.1. Ông Ngô Nguyện N, sinh năm 1980; 2.2. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú và nơi ở: Khu 7, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: 3.1. Anh Trương Đăng H – Sinh năm 1991; 3.2. Ông Trương Đăng P – Sinh năm 1958; 3.3. Bà Ngô Thị B – Sinh năm 1956 (Vợ ông Phúc); 3.4. Anh Trương Đăng C – Sinh năm 1982; 3.5. Chị Hoàng Thị H – Sinh năm 1991 (Vợ anh C); 3.6. Cháu Trương Đăng N – Sinh năm 2012 (con anh C, chị H); 3.7. Cháu Trương Hoàng Ngọc Anh – Sinh năm 2013 (con anh C, chị H);

Cùng hộ khẩu thường trú và nơi ở: Khu 7, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Anh C và chị H là người đại diện theo pháp luật của cháu N, cháu A; Ông P và bà B ủy quyền cho chị Hoàng Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 22/5/2019, Ngân hàng Thương mại cổ phần SG- HN (S) và ông Ngô Nguyện N, bà Nguyễn Thị V ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số 91/2019/HĐHM-CN/S.12100 với nội dung: Ngân hàng S cho ông Ngô Nguyện N và bà Nguyễn Thị V vay với số tiền 2.800.000.000 đồng (Hai tỉ tám trăm triệu đồng); Thời hạn vay: 09 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên; Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh đồ gỗ mỹ nghệ; lãi suất vay là 11,5%/năm trong 3 tháng đầu. Lãi suất cho vay đươc điều chỉnh 03 tháng/lần, mức lãi suất áp dụng cho kỳ điều chỉnh tiếp theo bằng lãi suất huy động tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng VNĐ trả lãi sau cao nhất khách hàng cá nhân S tại thời điểm điều chỉnh cộng với biên độ cho vay 2,8%/năm, lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tại khế ước nhận nợ số 02-91/2019/HĐHM-CN/S.12100 ngày 25/02/2020, ông N và bà V đã nhận 2.800.000.000 đồng từ ngân hàng S.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay là:

(1) Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 164a, tờ bản đồ số 37, địa chỉ: Thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CK550788 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp cho anh Trương Đăng H ngày 03/10/2017. (Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và nhà ở số 64/2019/HĐTC-BTB/S.112100 ngày 22/5/2019 do Văn phòng công chứng VH chứng nhận).

(2) Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 37, địa chỉ: Khu 7, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BV449787 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp cho bà Trương Thị Thanh N ngày 10/12/2014, chuyển quyền sở hữu cho ông Ngô Nguyện N và bà Nguyễn Thị V ngày 07/5/2018. (Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và nhà ở số 65/2019/HĐTC-CN/S.112100 ngày 22/5/2019 do Văn phòng công chứng VH chứng nhận).

Đến hạn trả nợ , ngân hàng S đã nhiều lần yêu cầu ông Ngô Nguyện N và bà Nguyễn Thị V nhưng ông bà không thực hiện. Đến nay ngân hàng S yêu cầu ông N, bà V trả nợ số tiền tính đến ngày 20/6/2022 là 3.091.998.360 đồng (Ba tỉ, không trăm chín mươi mốt triệu, chín trăm chín mươi tám nghìn, ba trăm sáu mươi đồng) trong đó: Nợ gốc: 2.300.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 507.745.242 đồng, nợ lãi quá hạn: 284.253.118 đồng. Toàn bộ tiền lãi phát sinh kể từ ngày 21/6/2022 cho đến khi ông N, bà V trả hết nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp ông N, bà V không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì ngân hàng S có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại toàn bộ tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải chịu số tiền chi phí tố tụng

xem xét thẩm định tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn, bà Nguyễn Thị V trình bày: Bà nhất trí về việc bà và ông N có ký Hợp đồng tín dụng số 91/2019/HĐHM-CN/S.12100 ngày 22/5/2019 với Ngân hàng Thương mại cổ phần SG- HN . Để đảm bảo cho khoản vay, bà và ông N có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại:

1) Thửa đất số 164a, tờ bản đồ số 37 có địa chỉ: Thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CK550788 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp cho anh Trương Đăng H ngày 03/10/2017. Tại Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và nhà ở số 64/2019/HĐTC-BTB/S.112100 ngày 22/5/2019 do Văn phòng công chứng VH chứng nhận.

(2) Thửa đất số 93, tờ bản đồ số 37 có địa chỉ: Khu 7, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BV449787 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp cho bà Trương Thị Thanh N ngày 10/12/2014, chuyển quyền sở hữu cho ông Ngô Nguyện N và bà Nguyễn Thị V ngày 07/5/2018.Tại Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và nhà ở số 65/2019/HĐTC-CN/S.112100 ngày 22/5/2019 do Văn phòng công chứng VH chứng nhận.

Bà V nhất trí với số tiền gốc và lãi còn nợ như đã nêu ở trên. Do điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên bà V đề nghị phía ngân hàng cho thời gian tất toán khoản nợ trong thời hạn 01 năm. Nếu không trả được nợ thì bà đồng ý để ngân hàng yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa chấp hành nghiêm túc qui định về pháp luật tố tụng trong quá trình tiến hành tố tụng, giải quyết và xét xử vụ án.

- Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án của Toà án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về án phí buộc bị đơn phải chịu loại án phí có giá ngạch tương ứng với số tiền còn phải trả nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Tòa án thụ lý vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo quy định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về sự vắng mặt không có lý do của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ. Xét việc vắng mặt của các đương sự thuộc trường hợp quy định tại Điều 227; Điều 228 và Điều 233 của

Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn quyết định đưa vụ án ra xét xử và giành quyền kháng cáo cho họ theo qui định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hợp đồng hạn mức tín dụng số 91/2019/HĐHM-CN/S.12100 ngày 22/5/2019, giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần SG- HN (S) và ông Ngô Nguyện N, bà Nguyễn Thị V: Tính đến ngày 19/07/2022 bên vay còn nợ S tổng số tiền là 3.126.794.215 đ (Ba tỉ, một trăm hai sáu triệu, bảy trăm chín tư nghìn, hai trăm mười lăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 2.300.000.000 đ; nợ lãi trong hạn là 549.035.100đ; nợ lãi quá hạn là 277.759.115đ.

Xét thấy: Tại thời điểm tham gia giao kết hợp đồng tín dụng bên cho vay, bên vay đều có đầy đủ tư cách pháp nhân; Hợp đồng ký kết giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc. Hình thức và nội dung hợp đồng không trái đạo đức xã hội, phù hợp qui định của pháp luật do đó hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm giao kết.

Bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng S.

Về số nợ lãi: Đối chiếu với bảng sao kê tiền lãi và các quyết định điều chỉnh lãi suất do S giao nộp cho Tòa án thì thấy việc tính lãi của Hợp đồng trên đã đúng nên không cần điều chỉnh lại.

[2.2] Tài sản bảo đảm gồm có:

(1) Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 164a, tờ bản đồ số 37, địa chỉ: Thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CK550788 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp cho anh Trương Đăng H ngày 03/10/2017).

(2) Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 37, địa chỉ: Khu 7, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BV449787 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp cho bà Trương Thị Thanh N ngày 10/12/2014, chuyển quyền sở hữu cho ông Ngô Nguyện N và bà Nguyễn Thị V ngày 07/5/2018).

Xét thấy: Hợp đồng thế chấp tài sản được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối; các chủ thể đều có đủ năng lực hành vi; các điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội; tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Do hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên là hợp pháp nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu S về việc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

[3] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận. Bị đơn phải chịu số tiền chi phí tố tụng xem xét thẩm định tài sản thế chấp

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[4.1] Bị đơn phải nộp án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm loại có giá ngạch để sung công quỹ Nhà nước.

[4.2] Nguyên đơn được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Các Điều 351, 353, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 30, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần SG- HN đối với ông Ngô Nguyện N và bà Nguyễn Thị V.

2. Buộc ông Ngô Nguyện N và bà Nguyễn Thị V trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SG- HN *(tính đến ngày 19/07/2022)* tổng số tiền là 3.126.794.215 đ (Ba tỉ, một trăm hai sáu triệu, bảy trăm chín tư nghìn, hai trăm mười lăm đồng), trong đó: Nợ gốc là 2.300.000.000 đ; nợ lãi trong hạn là 549.035.100đ; nợ lãi quá hạn là 277.759.115đ.

3. Trường hợp ông Ngô Nguyện N và bà Nguyễn Thị V không trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần SG- HN có quyền xử lý tài sản đảm bảo theo quy định của pháp luật và có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản đảm bảo để thu hồi toàn bộ khoản nợ, bao gồm:

* Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 164a, tờ bản đồ số 37, địa chỉ: Thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa CK550788 do Sở tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp cho anh Trương Đăng H ngày 03/10/2017).

* Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 93, tờ bản đồ số 37, địa chỉ: Khu 7, thôn TL, xã TL, huyện ĐA, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa BV449787 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp cho bà Trương Thị Thanh N ngày 10/12/2014, chuyển quyền sử dụng cho ông Ngô Nguyện N và bà Nguyễn Thị V ngày 07/5/2018).

4. Kể từ ngày 20/07/2022, hàng tháng ông Ngô Nguyện N và bà Nguyễn Thị V còn phải tiếp tục trả cho S khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng hạn mức tín dụng số 91/2019/HĐHM-CN/S.12100 ngày 22/5/2019.

5. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Ngô Nguyện N và bà Nguyễn Thị V phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SG- HN số tiền 16.000.000đ tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

6. Án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm: Buộc ông Ngô Nguyện N và bà Nguyễn Thị V phải nộp 94.535.000đ *(chín tư triệu, năm trăm ba mươi lăm nghìn đồng)* để sung ngân sách Nhà nước; Hoàn trả lại cho S 47.277.000đ *(bốn mươi bảy triệu, hai trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0046036 ngày 25/02/2022 của Chi cục Thi hành án huyện Đông

Anh.

7. Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành, theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hợp lệ; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND. huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS. huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Minh Cường